

100 °C trong 5 min. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết phát quang tương đương về vị trí và cùng màu với vết hesperidin trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

D. Định tính Cam Thảo

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Dùng *Silica gel G* và dung dịch *natri hydroxyd* 1 % để tráng bản mỏng.

Dung môi khai triển: *Ethyl acetat - acid formic - acid acetic băng - nước* (15 : 1 : 1 : 2), lắc lấy lớp trên.

Dung dịch thử: Lấy 10 g bột chế phẩm, thêm 40 ml *ether* (TT), đun sôi hồi lưu trên cách thủy trong 1 h, để nguội, lọc lấy cặn, thêm 50 ml *methanol* (TT) và đun sôi hồi lưu 1 h, để nguội, lọc. Bay hơi dịch lọc đến cạn. Hòa tan cặn trong 40 ml *nước* và chiết bằng *n-butanol bão hòa nước* (TT) 3 lần, mỗi lần 20 ml. Gộp các dịch chiết butanol, rửa với *nước* 3 lần, mỗi lần 20 ml, bỏ nước rửa, bay hơi dịch chiết đến cạn và hòa tan cặn trong 5 ml *methanol* (TT) làm dung dịch thử.

Dung dịch đối chiếu (1): Hòa tan amoni glycyrrhizat chuẩn trong *methanol* (TT) để được dung dịch có nồng độ 2 mg/ml.

Dung dịch đối chiếu (2): Lấy 1 g bột rễ Cam thảo (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô ngoài không khí. Phun dung dịch *acid sulfuric* 10 % trong *ethanol* (TT). Sấy bản mỏng ở 105 °C đến khi các vết hiện rõ. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết phát quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu (2) và trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết tương đương về vị trí và cùng màu với vết amoni glycyrrhizat trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu (1).

Định lượng

Cân chính xác khoảng 20 g bột chế phẩm, cho vào túi giấy lọc, đặt vào dụng cụ Soxhlet, loại tạp bằng *ether dầu hỏa* (30 °C đến 60 °C) (TT) trong 4 h. Sau đó tải bột cho bay hơi hết *ether dầu hỏa*. Tiếp tục cho bã chế phẩm vào trong bình Soxhlet và chiết bằng *ethanol* 70 % (TT) cho đến khi hết flavonoid (dịch chiết không màu). Lấy dịch chiết, thu hồi dung môi dưới áp suất giảm. Thêm 10 ml đến 20 ml *nước cất* nóng vào cặn, khuấy cho tan. Lọc. Lắc dịch lọc với *ethyl acetat* (TT) đến hết flavonoid (5 lần mỗi lần 5 ml). Gộp dịch *ethyl acetat*, cất thu hồi dung môi, cặn thu được cho bay hết *ethyl acetat* rồi đem sấy ở nhiệt độ 70 °C cho tới khối lượng không đổi. Cân cặn và tính kết quả. Hàm lượng flavonoid toàn phần không ít hơn 1,0 %.

Độ ẩm

Không quá 9,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, sấy ở 60 °C đến 70 °C; 4 h).

Bảo quản

Để nơi khô, mát, trong đồ đựng kín.

Công năng, chủ trị

Táo thấp, trừ đờm, lý khí, hòa vị. Chủ trị: Ho, đờm nhiều, ngực và thượng vị trướng tức, buồn nôn, nôn.

Cách dùng, liều lượng

Uống ngày 2 lần, uống mỗi lần từ 9 g đến 15 g.

HOÀN NINH KHÔN

Ninh khôn chí bảo hoàn

Công thức

A giao (<i>Corii Asini Colla</i>)	25 g
Mộc hương (<i>Saussureae lappae Radix</i>)	25 g
Phục linh (<i>Poria</i>)	50 g
Ngưu tất (<i>Achyranthis bidentatae Radix</i>)	200 g
Bạch thược (<i>Paeoniae Radix Alba</i>)	50 g
Ô dược (<i>Linderae Radix</i>)	50 g
Bạch truật (<i>Atractylodis macrocephalae Rhizoma</i>)	50 g
Trần bì (<i>Citri reticulatae Pericarpium Perenne</i>)	50 g
Cam thảo (<i>Glycyrrhizae Radix et Rhizoma</i>)	150 g
Sa nhân (<i>Amomi Fructus</i>)	25 g
Đảng sâm (<i>Codonopsis Radix</i>)	40 g
Sinh địa (<i>Rehmanniae glutinosae Radix</i>)	50 g
Đương quy (<i>Angelicae sinensis Radix</i>)	50 g
Thục địa (<i>Rehmanniae glutinosae Radix Praeparata</i>)	50 g
Hoàng cầm (<i>Scutellariae Radix</i>)	25 g
Tô diệp (<i>Perillae frutescens Folium</i>)	25 g
Hồ phách (<i>Succinum</i>)	25 g
Trầm hương (<i>Aquilariae Lignum Resinatum</i>)	50 g
Hương phụ chế giấm (<i>Cyperi Rhizoma Praeparatum</i>)	50 g
Xuyên khung (<i>Chuanxiong Rhizoma</i>)	50 g
Ích mẫu (<i>Leonuri japonici Herba</i>)	300 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	1000 g

Bào chế

Đương quy, Ích mẫu, Xuyên khung: đồ chín, thái lát, sao vàng, sấy khô. A giao thái mỏng, sao với vãn cáp cho phồng lên. Thục địa, Hương phụ chế theo chuyên luận riêng và sấy khô. Các dược liệu còn lại rửa sạch, loại bỏ tạp chất, thái lát, sấy khô. Tất cả các vị thuốc được tán thành bột mịn, trộn đều thành bột kép, rây qua rây số 180. Trộn bột kép với mật ong luyện cho mềm nhuyễn, cứ 100 g bột kép dùng 100 g đến 200 g mật luyện. Chia thành các viên hoàn 3 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc hoàn” (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn hình cầu, màu đen bóng, mềm nhuyễn, thơm mùi dược liệu, vị ngọt, hơi đắng và cay. Khối lượng mỗi hoàn 3 g.

Định tính

A. Định tính Bạch linh: Soi bột chế phẩm dưới kính hiển vi

HOÀN PHÌ NHI

DUỐC ĐIỂN VIỆT NAM VI

có độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột Bạch linh (mẫu chuẩn), phải thấy: Các khối phân nhánh không đều, không màu; các sợi nấm không màu hoặc nâu nhạt, hơi cong và phân nhánh.

B. Định tính Mộc hương

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: n-Hexan - ethyl acetat (95 : 5).

Dung dịch thử: Lấy 3 hoàn, cắt nhỏ, thêm 40 ml ether ethylic (TT), lắc đều, ngâm trong 4 h, thỉnh thoảng lắc, lọc. Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến cạn. Hòa tan cần trong 1 ml ethanol (TT).

Dung dịch đối chiếu: Lấy 0,2 g Mộc hương (mẫu chuẩn) đã cắt nhỏ, thêm 10 ml ether ethylic (TT), lắc đều, ngâm trong 4 h, thỉnh thoảng lắc, lọc. Để bay hơi tự nhiên dịch lọc đến cạn. Hòa tan cần trong 1 ml ethanol (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng rồi phun dung dịch vanilin 1 % trong acid sulfuric (TT), quan sát ở ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

C. Định tính Ích mẫu

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: Toluene - acetone - ethanol - amoniac 15 : 15 : 2 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 3 hoàn, cắt nhỏ, thêm 100 ml nước cất đã acid hóa bằng dung dịch acid sulfuric 10 % (TT) đến pH 2 đến 3, đun sôi nhẹ 1 h, để nguội, ly tâm. Kiểm tra dịch ly tâm bằng amoniac (TT) đến pH 10 đến 11, để yên 30 min, sau đó lắc với cloroform (TT) 2 lần, mỗi lần 30 ml. Gộp dịch chiết cloroform, lọc qua natri sulfat khan (TT), cô trên cách thủy đến cạn. Hòa cần trong 1 ml ethanol (TT) được dung dịch thử.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 3 g Ích mẫu (mẫu chuẩn) thêm 150 ml nước cất đã acid hóa bằng dung dịch acid sulfuric 10 % (TT) đến pH 2 đến 3, đun sôi nhẹ 1 h, để nguội, ly tâm. Kiểm tra dịch ly tâm bằng amoniac (TT) đến pH 10 đến 11, để yên 30 min, sau đó lắc với cloroform (TT) 2 lần, mỗi lần 30 ml. Gộp dịch chiết cloroform, lọc qua natri sulfat khan (TT), cô trên cách thủy đến cạn. Hòa cần trong 1 ml ethanol (TT).

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký cho đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng rồi đặt vào bình đã bão hòa hơi iod (TT) cho đến khi hiện rõ vết. Quan sát ở ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 12.13).

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, để nơi khô mát.

Công năng, chủ trị

Điều hòa khí huyết, thông kinh chi thống. Chủ trị: Phụ nữ kinh nguyệt không đều, hư phiền, hành kinh đau bụng, suy nhược sau khi sinh.

Cách dùng, liều lượng

Mỗi lần 2 hoàn, ngày 2 lần.

Kiểm kê

Phụ nữ có thai hoặc đang hành kinh không nên dùng.

HOÀN PHÌ NHI

Công thức

Nhục đậu khấu nướng (<i>Myristicae Semen Praeparatum</i>)	50 g
Mộc hương (<i>Saussureae lappae Radix</i>)	20 g
Thần khúc sao vàng (<i>Massa Medicata fermentata Praeparata</i>)	100 g
Mạch nha sao vàng (<i>Hordei germinates Fructus Praeparatus</i>)	50 g
Hoàng liên (<i>Coptidis Rhizoma</i>)	100 g
Bình lang (<i>Arecae catechi Semen</i>)	50 g
Sử quân tử (<i>Quysqualis Semen</i>)	100 g
Mật ong vừa đủ (<i>Mel q.s</i>)	

Bào chế

Nhục đậu khấu nướng, Thần khúc sao vàng theo hướng dẫn tại phụ lục 12.20. Mạch nha sao vàng theo chỉ dẫn trong chuyên luận riêng. Các dược liệu còn lại được thái lát, làm khô. Tán tất cả các vị thuốc trên thành bột mịn, rây qua rây số 180 và trộn đều thành bột kếp. Cứ 100 g bột thuốc thêm 100 g đến 130 g mật ong luyện, trộn đều cho mềm nhuận, chế thành viên hoàn mềm 3 g.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận “Thuốc hoàn” (Phụ lục 1.11) và các yêu cầu sau:

Tính chất

Hoàn màu nâu hơi đen đến màu nâu đen, mềm nhuận, mịn, vị hơi ngọt đắng.

Khối lượng hoàn 3 g.

Định tính

Soi kính hiển vi: Soi kính hiển vi có độ phóng đại thích hợp, so sánh với bột Nhục đậu khấu và Sử quân tử (mẫu chuẩn) thấy: Hạt tinh bột gần như tròn hoặc hình bầu dục, đường kính 8 µm đến 10 µm, rốn dạng khe. Các khối inulin hình dáng không đều, đôi khi nhìn thấy các vân nhỏ xuyên tâm. Các giọt dầu có nhiều với tinh thể hình cầu khi để lắng. Các tế bào biểu bì của vỏ ngoài màu hơi vàng, hình nhiều cạnh, thành mỏng và gập lại với tế bào mạng lưới ở bên dưới. Các mạch xoắn, đường kính 14 µm đến 17 µm. Các mảnh nội nhũ không màu, có các tế bào thành dày hơn với nhiều lỗ gần tròn, lớn.